CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

TAKISHITA AKIRA
Digitally signed by TAKISHITA AKIRA
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Tây Hồ, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM, T=Giám đốc, CN=TAKISHITA AKIRA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=HC: TS25761 61
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022-02-28 16:28:37
Foxit Reader Version: 9.7.1

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 09 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Takishita Akira	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên
Bà	Hà Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông	Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà	Đào Thị Thanh	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Thị Hường	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Hà	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

M.S.D.N: 0102174005 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM
Q. TÂY HỒ - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Mạnh Cường
Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO
Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
08 2509 2007 0102374170 asco@asco.vn www.asco.vn

Số: 11NV2/2022/ASCO/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vinam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vinam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vinam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với Báo cáo tài chính hợp nhất này theo báo cáo kiểm toán số 141/BCKT/TC ngày 08 tháng 04 năm 2021.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO
ASCO
MSDN: 0102374170
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thành Tuấn	**Trần Văn Minh**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 2451-2018-149-1	Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 4025-2022-149-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**262.025.538.504**	**151.743.952.076**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**8.646.594.565**	**16.095.781.216**
1. Tiền	111		8.646.594.565	16.095.781.216
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**39.713**	**10.000.589.713**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		35.799.713	10.036.349.713
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35.760.000)	(35.760.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**183.738.883.542**	**102.327.882.558**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.779.680.301	26.743.644.203
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	154.812.217.543	38.324.207.860
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	35.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	146.985.698	2.260.030.495
IV. Hàng tồn kho	**140**	**9**	**69.042.052.578**	**23.037.573.474**
1. Hàng tồn kho	141		69.042.052.578	23.037.573.474
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**597.968.106**	**282.125.115**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	135.022.571	98.642.562
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		462.945.535	183.482.553
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**30.249.778.558**	**10.188.448.216**
II. Tài sản cố định	**220**		**10.782.474.828**	**-**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.542.474.828	-
- *Nguyên giá*	*222*		*1.594.243.296*	-
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*223*		*(51.768.468)*	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.240.000.000	-
- *Nguyên giá*	*228*		*9.240.000.000*	-
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*229*		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**10**	**17.439.129.047**	**10.123.057.161**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.439.129.047	10.123.057.161
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.028.174.683**	**65.391.055**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.028.174.683	65.391.055
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**292.275.317.062**	**161.932.400.292**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**6.708.347.032**	**7.172.093.343**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**6.708.347.032**	**4.046.793.343**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.079.460.396	50.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.014.721.501	3.283.994.886
3. Phải trả người lao động	314		687.388.340	548.021.581
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	49.928.783
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	155.433.839	69.755.137
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	200.000.000	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	18	526.250.000	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**3.125.300.000**
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	-	3.125.300.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**285.566.970.030**	**154.760.306.949**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**19**	**285.566.970.030**	**154.760.306.949**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		197.999.940.000	115.499.940.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*197.999.940.000*	*115.499.940.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.956.000.000	2.600.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		57.839.226.671	36.284.575.234
- *LNST chưa phân phối lũy kến đến cuối năm trước*	*421a*		*36.281.308.683*	*6.207.828.885*
- *LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*21.557.917.988*	*30.076.746.349*
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.575.902.764	179.891.120
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	**440**		**292.275.317.062**	**161.932.400.292**

Phạm Thị Bích Liên	Cao Thị Minh Nguyệt	Nguyễn Mạnh Cường
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**20**	**76.897.392.450**	**60.110.249.544**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**76.897.392.450**	**60.110.249.544**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**21**	**47.100.251.092**	**28.213.653.389**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**29.797.141.358**	**31.896.596.155**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	458.433.365	421.824.699
7. Chi phí tài chính	22	23	228.972.560	6.268.464.464
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	24	592.561.457	79.171.285
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	5.698.844.410	3.477.896.949
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	**30**		**23.735.196.296**	**22.492.888.156**
12. Thu nhập khác	31	26	3.131.195	9.894.602.693
13. Chi phí khác	32	27	122.776.759	45.775.408
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(119.645.564)**	**9.848.827.285**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**23.615.550.732**	**32.341.715.441**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	886.751.770	2.175.077.972
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**22.728.798.962**	**30.166.637.469**
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	**61**		**21.557.917.988**	**30.076.746.349**
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	**62**		**1.170.880.974**	**89.891.120**
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**29**	**1.158**	**2.604**

Phạm Thị Bích Liên	Cao Thị Minh Nguyệt	Nguyễn Mạnh Cường
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***23.615.550.732***	***32.341.715.441***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		51.768.468	-
- Các khoản dự phòng	03		526.250.000	(11.346.600.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.033.357.421)	(421.824.699)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***9.160.211.779***	***20.573.290.742***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(136.712.355.246)	(68.598.619.416)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(44.217.864.002)	10.013.551.926
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.452.088.947	722.698.864
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.000.284.396)	(132.227.883)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	63.725.000.000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.175.077.972)	(295.924.650)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(144.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(152.637.280.890)***	***26.007.769.583***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.095.263.182)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.000.000.000	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.800.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.033.357.421	1.721.824.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***36.738.094.239***	***1.721.824.699***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		108.250.000.000	90.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		493.785.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(293.785.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(16.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***108.450.000.000***	***(16.410.000.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**		**(7.449.186.651)**	**11.319.594.282**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**16.095.781.216**	**4.776.186.934**
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	4	**8.646.594.565**	**16.095.781.216**

Phạm Thị Bích Liên	Cao Thị Minh Nguyệt	Nguyễn Mạnh Cường
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 01 tháng 09 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phòng số 302 tầng 3, Tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 197.999.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2021 là 197.999.940.000 đồng; tương đương 19.799.994 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại 31/12/2021 là 11 người (tại 01/01/2021 là 08 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
  Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
  Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
  Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
  Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
  Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;
- ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cấu trúc Công ty

Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con gián tiếp được hợp nhất: 01
- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 07
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0

Danh sách các Công ty sở hữu gián tiếp tại 31/12/2021:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/12/2021	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo (1)	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, Xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	15.000.000.000	14.850.000.000	69,30%	69,30%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.

(1) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo được thành lập theo Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vinam Sài Gòn số 23/2021/QĐ-HĐTV ngày 01/11/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4900880900 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp với vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp tại 31/12/2021 là 14.850.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 99% vốn điều lệ.

Danh sách các Công ty sở hữu trực tiếp tại 31/12/2021:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 31/12/2021	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
			VND			
- Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học (2)	Số 3 Phố Cầu Đất, Thị Trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	4.800.000.000	4.800.000.000	100,00%	100,00%	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo (3)	Lô A15, Cụm Công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	50.000.000.000	18.368.000.000	99,00%	99,00%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
- Công ty TNHH Vinam Vũng Áng (4)	Tổ dân phố Đông Trinh, Phường Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000	100,00%	100,00%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
- Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (5)	03 Phan Văn Đạt, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30.000.000.000	21.000.000.000	70,00%	70,00%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa
- Công ty CP Công nghệ cao G7 (6)	Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, H. Châu Thành, T. Hậu Giang, Việt Nam	50.000.000.000	49.000.000.000	98,00%	98,00%	Sản xuất kinh doanh chế biến thuốc dược phẩm, thực phẩm chức năng các loại
Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình (7)	Số 37A Dốc Phụ sản, đường Đê La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.	30.000.000.000	4.900.000.000	98,00%	98,00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam (8)	P302 tầng 3 toà tháp Tây chung cư Học viện Quốc phòng, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.	30.000.000.000	1.500.000.000	98,00%	98,00%	Lập trình phần mềm máy tính

(2) Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học: Được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1012/2018/NQHĐQT/CVN ngày 10/12/2018. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2601021142 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp với vốn điều lệ 4.800.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học là 4.800.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(3) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tiền thân là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh: Được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1811/2019/NQHĐQT/CVN ngày 18/11/2019. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702024681 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp 5.940.000.000 đồng chiếm 99% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 05/02/2021, Công ty tăng vốn lên 50.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam góp 99% tương đương 49.500.000.000 đồng. Đến 31/12/2021, Công ty CP Vinam đã góp 18.368.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 99% vốn điều lệ đã góp.

(4) Công ty TNHH Vinam Vũng Áng: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 0907/2020/NQHĐQT/CVN ngày 09/07/2020. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002186193 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 07 năm 2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 24/8/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp tại 31/12/2021 là 20.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ.

(5) Công ty TNHH Vinam Sài Gòn: Được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP VINAM số 1410/2019/NQHĐQT/CVN ngày 14/10/2019. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315980715 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty CP Vinam góp 21.000.000.000 đồng chiếm 70% vốn điều lệ.

(6) Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Vinam số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300345278 đăng ký lần đầu ngày 03/6/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp với vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng. Công ty CP Vinam góp 49.000.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ.

(7) Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Vinam số 2907/2021/NQHĐQT/CVN ngày 29/7/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109729993 đăng ký lần đầu ngày 06/8/2021, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều liệu là 5.000.000.000 đồng. Công ty CP Vinam góp 4.900.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 4.900.000.000 đồng.

(8) Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty CP Vinam số 011/2021/NQHĐQT/CVN ngày 04/11/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109805330 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Công ty CP Vinam góp 29.400.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 1.500.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 ("Covid-19") từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam cùng với các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nguy cơ lây nhiễm covid cao từ thực phẩm nhập khẩu đặc biệt là thực phẩm đông lạnh. Bộ y tế đã yêu cầu các đơn vị liên quan thực hiện xét nghiệm covid-19 đối với các thực phẩm đông lạnh nhập khẩu vì khả năng sinh tồn của Virus trên sản phẩm này rất dài, Ban chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm vẫn thực hiện giám sát, xét nghiệm thực phẩm nhập khẩu. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất , Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	3.158.990.822	4.588.209.498
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.487.603.743	11.507.571.718
	8.646.594.565	**16.095.781.216**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	**35.799.713**	**39.713**	**(35.760.000)**	**10.036.349.713**	**10.000.589.713**	**(35.760.000)**
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP) (i)	35.799.713	39.713	(35.760.000)	35.799.713	39.713	(35.760.000)
Công ty CP Đầu Tư Bệnh Viện Sara (1.000.000 CP) (ii)	-	-	-	10.000.550.000	10.000.550.000	-
	35.799.713	**39.713**	**(35.760.000)**	**10.036.349.713**	**10.000.589.713**	**(35.760.000)**

(i): Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HOSE tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021.

(ii): Trong năm 2020, đây là khoản đầu tư được ủy thác theo hợp đồng ủy thác số 12/19-08 giữa Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam (Công ty con sở hữu 100%) mua 5.000.000 cổ phần (cổ phiếu chưa niêm yết) giá trị 50.000.550.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Sara. Ngày 29/09/2020, Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen đã ký phụ lục về việc bán 4.000.000 cổ phần với giá trị 40.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2020 Công ty còn nắm giữ 1.000.000 cổ phần tương đương trị giá 10.000.550.000 đồng.

Đến ngày 22/03/2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam theo Hợp đồng số 01/CNVG-2021. Do đó, tại 31/12/2021 Công ty không còn nắm giữ cổ phần của Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Sara.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam	7.594.329.903	-	-	-
Công ty CP Omega Việt Nam	3.605.499.480	-	-	-
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên	15.157.994.500	-	-	-
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Aiko	-	-	17.990.555.213	-
JWB CO.,LTD	-	-	4.133.088.990	-
Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật	-	-	4.620.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.421.856.418	-	-	-
	28.779.680.301	-	**26.743.644.203**	-

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyên	29.747.292.543	-	33.100.000.000	-
Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam	38.650.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	8.500.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao	53.875.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật	23.500.000.000	-	4.600.297.860	-
Trả trước các đối tượng khác	539.925.000	-	623.910.000	-
	154.812.217.543	-	**38.324.207.860**	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	114.365.000	-	-	-
Phải thu khác	32.620.698	-	2.260.030.495	-
	146.985.698	**-**	**2.260.030.495**	**-**

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	248.287.452	-	-	-
Hàng hoá	68.793.765.126	-	23.037.573.474	-
	69.042.052.578	**-**	**23.037.573.474**	**-**

10 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (1)	2.845.162.035	2.707.162.035
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (2)	6.090.503.830	6.228.503.830
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Thanh Sơn	4.601.272.727	-
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Ba Đình	3.454.662.273	-
- Máy tiệt trùng thực phẩm RCS-120	-	1.187.391.296
- Mua sắm tài sản cố định khác	447.528.182	-
	17.439.129.047	**10.123.057.161**

(1): Theo Hợp đồng số 1106/2019/HĐ-VN-BVKVAG ngày 11/06/2019 giữa Công ty và Bệnh viên Đa khoa khu vực tỉnh An Giang. Công ty sẽ đầu tư 100% vốn tiến hành lắp đặt sử dụng thử nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang 01 hệ thống Pacs để phục vụ trong Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân.

(2): Theo Hợp đồng số 01/2020/BVTC ngày 02/07/2020 giữa Công ty và Bệnh viên Đa khoa khu vực tỉnh An GiangTâu Châu. Công ty sẽ đầu tư 100% vốn tiến hành lắp đặt sử dụng thử nghiệm tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tân Châu 01 hệ thống Pacs để phục vụ trong Chẩn đoán hình ảnh bệnh nhân.

Sau khi hệ thống trên được đưa vào sử dụng. Công ty sẽ thu phí chụp của Bệnh viện theo giá được phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, đến thời điểm Kiểm toán Công ty và Bệnh viện vẫn chưa tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Mua sắm	1.594.243.296	1.594.243.296
Tại ngày 31/12/2021	**1.594.243.296**	**1.594.243.296**
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Trích khấu hao	51.768.468	51.768.468
Tại ngày 31/12/2021	**51.768.468**	**51.768.468**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	**1.542.474.828**	**1.542.474.828**

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Mua sắm	9.240.000.000	9.240.000.000
Tại ngày 31/12/2021	**9.240.000.000**	**9.240.000.000**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	-	-
Tại ngày 31/12/2021	**9.240.000.000**	**9.240.000.000**

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a)	Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Chi phí thuê văn phòng	-	85.322.917
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	135.022.571	13.319.645
		135.022.571	**98.642.562**
b)	Chi phí trả trước dài hạn		
	Tiền thuê đất	1.351.255.317	-
	Chi phi tác quyền	333.333.328	-
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	31.096.509	-
	Chi phí trả trước dài hạn khác	312.489.529	65.391.055
		2.028.174.683	**65.391.055**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại AT&T	1.632.420.359	1.632.420.359	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	1.150.000.000	1.150.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần LEOPARD	-	-	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả khác	1.297.040.037	1.297.040.037	-	-
	4.079.460.396	**4.079.460.396**	**50.000.000**	**50.000.000**

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	261.805.097	97.242.101	355.992.021	3.055.177
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.175.077.972	886.751.770	2.175.077.972	886.751.770
Thuế Thu nhập cá nhân	847.111.817	171.252.216	893.449.479	124.914.554
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
	3.283.994.886	**1.166.246.087**	**3.435.519.472**	**1.014.721.501**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	4.847.027	24.785.471
Bảo hiểm y tế	851.297	-
Bảo hiểm thất nghiệp	189.176	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.266.551	2.415.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	146.279.788	42.554.666
	155.433.839	**69.755.137**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân	-	-	493.785.000	293.785.000	200.000.000	200.000.000
	-	**-**	**493.785.000**	**293.785.000**	**200.000.000**	**200.000.000**

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay tiền số 2911.2021/PMVinam/HĐV ngày 29/11/2021 của Ông Vũ Văn Đức với các điều khoản sau:

+ Số tiền vay: 493.785.000 đồng
+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
+ Thời hạn vay: 03 tháng;
+ Lãi suất cho vay: 0%/năm
+ Số dư nợ gốc tại 31/12/2021: 200.000.000 đồng

18 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	526.250.000	-
	526.250.000	**-**
b) Dự phòng phải trả dài hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	2.578.500.000
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	546.800.000
	-	**3.125.300.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	**82.500.000.000**	**2.600.000.000**	**195.900.595**	**55.707.768.885**	-	**141.003.669.480**
Tăng trong năm 2020	32.999.940.000	-	-	-	-	32.999.940.000
Lãi/lỗ trong năm 2020	-	-	-	30.076.746.349	179.891.120	30.256.637.469
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(16.500.000.000)	-	(16.500.000.000)
Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận năm trước	-	-	-	(32.999.940.000)	-	(32.999.940.000)
Tại ngày 31/12/2020	**115.499.940.000**	**2.600.000.000**	**195.900.595**	**36.284.575.234**	**179.891.120**	**154.760.306.949**
Tại ngày 01/01/2021	**115.499.940.000**	**2.600.000.000**	**195.900.595**	**36.284.575.234**	**179.891.120**	**154.760.306.949**
Tăng trong năm 2021	82.500.000.000	16.500.000.000	-	-	9.250.000.000	108.250.000.000
Lãi/lỗ trong năm 2021	-	-	-	21.557.917.988	1.170.880.974	22.728.798.962
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(3.266.551)	-	(3.266.551)
Giảm khác	-	(144.000.000)	-	-	(24.869.330)	(168.869.330)
Tại ngày 31/12/2021	**197.999.940.000**	**18.956.000.000**	**195.900.595**	**57.839.226.671**	**10.575.902.764**	**285.566.970.030**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Công ty CP Quản lý Quỹ Bông Sen	0,81%	1.610.000.000	1,39%	1.610.000.000
Lê Đức Khanh	17,68%	35.000.000.000	2,16%	2.500.000.000
Nguyễn Mạnh Cường	12,63%	25.000.000.000	0,00%	-
Nguyễn Minh Tuấn	10,10%	20.000.000.000	0,00%	-
Nguyễn Thị Mỹ Nhung	5,11%	10.118.000.000	0,10%	118.000.000
Cổ đông khác	53,67%	106.271.940.000	96,34%	111.271.940.000
	100%	**197.999.940.000**	**100%**	**115.499.940.000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	197.999.940.000	115.499.940.000
- Vốn góp đầu năm	115.499.940.000	82.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	82.500.000.000	32.999.940.000
- Vốn góp cuối năm	197.999.940.000	115.499.940.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	49.499.940.000
- *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước*	-	*32.999.940.000*
- *Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm 2020*	-	*16.500.000.000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.799.994	11.549.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.799.994	11.549.994
- *Cổ phiếu phổ thông*	*19.799.994*	*11.549.994*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.799.994	11.549.994
- *Cổ phiếu phổ thông*	*19.799.994*	*11.549.994*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595
	195.900.595	**195.900.595**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	15.827.104.000	6.400.000
Doanh thu bán hàng hóa	50.545.288.450	60.103.849.544
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.525.000.000	-
	76.897.392.450	**60.110.249.544**

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	9.842.854.249	4.320.450
Giá vốn của hàng hóa đã bán	35.917.501.004	28.209.332.939
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.339.895.839	-
	47.100.251.092	**28.213.653.389**

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	458.433.365	194.009.284
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	227.815.415
	458.433.365	**421.824.699**

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	6.257.755.178
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	228.972.560	-
Chi phí tài chính khác	-	10.709.286
	228.972.560	**6.268.464.464**

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.511.457	-
Chi phí khác bằng tiền	1.800.000	79.171.285
Chi phí bảo hành	526.250.000	-
	592.561.457	**79.171.285**

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	36.288.007	-
Chi phí nhân công	3.229.959.307	2.456.686.471
Thuế, phí, lệ phí	11.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.272.492.086	-
Chi phí khác bằng tiền	149.105.010	1.021.210.478
	5.698.844.410	**3.477.896.949**

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành, bảo trì hàng hóa	-	9.894.600.000
Thu nhập khác	3.131.195	2.693
	3.131.195	**9.894.602.693**

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị truy thu, phạt vi phạm hành chính	-	14.437.771
Chi phí khác	122.776.759	31.337.637
	122.776.759	**45.775.408**

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.615.550.732	32.341.715.441
Các khoản điều chỉnh tăng	122.776.759	774.421.485
- *Chi phí không được trừ*	*122.776.759*	*774.421.485*
Các khoản điều chỉnh giảm	(17.807.946.450)	(17.579.865.700)
- *Thu nhập miễn thuế*	*(17.593.819.172)*	*(17.579.865.700)*
- *Điều chỉnh khác*	*(214.127.278)*	-
Thu nhập tính thuế TNDN	5.930.381.041	15.536.271.226
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.186.076.208**	**3.107.254.245**
Thuế TNDN được miễn giảm 30% Theo Nghị định số 92/2021/NQ-CP ngày 27/10/2021	(299.324.438)	-
Thuế TNDN được miễn giảm 30% Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020	-	(932.176.274)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.175.077.972	295.924.650
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.175.077.972)	(295.924.650)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**886.751.770**	**2.175.077.972**

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	22.728.798.962	30.076.746.349
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.728.798.962	30.076.746.349
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	19.628.291	11.549.994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.158**	**2.604**

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, bao gồm: Quyền chọn mua chứng quyền và các công cụ tương đương; công cụ tài chính có thể chuyển đổi; cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện; hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông hoặc bằng tiền; các quyền chọn đã được mua; quyền chọn bán đã phát hành... nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.068.516.877	28.213.653.389
Chi phí nhân công	5.232.940.608	2.456.686.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.768.468	-
Thuế, phí và lệ phí	11.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.610.858.758	-
Chi phí khác bằng tiền	537.905.010	1.100.381.763
	21.512.989.721	**31.770.721.623**

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.646.594.565	-	16.095.781.216	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.926.665.999	-	29.003.674.698	-
Các khoản cho vay	-	-	35.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	35.799.713	(35.760.000)	10.036.349.713	(35.760.000)
	37.609.060.277	**(35.760.000)**	**90.135.805.627**	**(35.760.000)**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	200.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	4.234.894.235	3.245.055.137
Chi phí phải trả	-	49.928.783
	4.434.894.235	**3.294.983.920**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.646.594.565	-	-	8.646.594.565
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.926.665.999	-	-	28.926.665.999
Đầu tư ngắn hạn	39.713	-	-	39.713
	37.573.300.277	-	-	**37.573.300.277**

Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.095.781.216	-	-	16.095.781.216
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.003.674.698	-	-	29.003.674.698
Các khoản cho vay	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	10.000.589.713	-	-	10.000.589.713
	90.100.045.627	**-**	**-**	**90.100.045.627**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	200.000.000	-	-	200.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	4.234.894.235	-	-	4.234.894.235
	4.434.894.235	**-**	**-**	**4.434.894.235**
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	119.755.137	3.125.300.000	-	3.245.055.137
Chi phí phải trả	49.928.783	-	-	49.928.783
	169.683.920	**3.125.300.000**	**-**	**3.294.983.920**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nghị quyết số 1301/2022/NQ-HĐQT ngày 13/01/2022 của Công ty về việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty dự kiến chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty với tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1. Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 98.999.997.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này được dùng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư góp vốn vào các công ty con.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
- Ông Nguyễn Mạnh Cường Giám đốc	300.000.000	476.083.333

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Phạm Thị Bích Liên	Cao Thị Minh Nguyệt	Nguyễn Mạnh Cường
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022